TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC I - T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày: 12/8/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Sinh;

2. Ông Nguyễn Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - T

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2025/TLST-DSST ngày 11 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số nhà E đường B, phường Đ, thành phố T, tỉnh T (Nay là phường H, tỉnh T).

- Bị đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Số nhà C H, phường L, thành phố T, tỉnh T (Nay là phường H, tỉnh T).

Tại phiên tòa có mặt chị Q, chị C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Vũ Thị Q trình bày:

Chị Q và chị C có mối quan hệ là đồng nghiệp nên quen biết nhau từ trước. Do có nhu cầu vay tiền nên từ khoảng năm 2022 chị C đã vay tiền chị Q nhiều lần. Đến ngày 01/4/2023, chị Q và chị C đối chiếu lại số tiền nợ. Chị C đã viết giấy nhận tiền với số tiền 400.000.000 đồng và hẹn ngày 30/9/2023 chị C sẽ thanh toán toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên từ đó đến nay, mặc dù chị Q đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nợ nhưng chị C vẫn khất lần, không trả. Nên chị Q đề nghị Tòa án buộc chị

Lê Thị C thanh toán toàn bộ khoản nợ 400.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

** Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị C trình bày như sau:*

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên chị Q có gửi chị C 5.100.000.000 đồng để cùng làm ăn chung, chị Q là người chịu trách nhiệm đầu tư. Số tiền này được chia thành nhiều lần chuyển. Sau đó, do công việc không thuận lợi nên chị C đã thu xếp trả lại tiền đầu tư cho chị Q. Đến khoảng tháng 12/2022 chị C chỉ còn nợ chị Q số tiền gốc là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị Q nói phải đi vay nợ lãi để đưa cho chị C và số tiền lãi mà chị Q đã phải chịu là 400.000.000 đồng. Do đó, chị Q yêu cầu chị C phải chịu một nửa số lãi là 200.000.000 đồng thì chị C đồng ý. Đến ngày 01/4/2023, chị Q yêu cầu chị C viết giấy nhận tiền thì chị C cũng thống nhất viết với nội dung chị C đã nhận của chị Q 400.000.000 đồng và hẹn 30/9/2023 sẽ hoàn lại đủ số tiền trên cho chị Q. Quá trình vay nợ, chị Q đã trả được 6.000.000 đồng. Số nợ còn lại là 394.000.000 đồng. Nay chị Q khởi kiện yêu cầu chị C thanh toán hết toàn bộ số nợ còn lại thì chị Q đồng ý. Nhưng do tình hình kinh tế của chị C đang khó khăn, tài sản đầu tư chưa bán được nên không thể trả toàn bộ số tiền này cho chị Q trong một lần. Vì vậy, chị C đề nghị được trả dần 4.000.000 đồng/tháng. Nếu chị Q không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, hai bên đương sự thống nhất về số nợ còn lại: Chị C còn nợ chị Q số tiền là 394.000.000 đồng nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được về phương án trả nợ. Chị Q vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án tuyên buộc chị C phải trả toàn bộ số nợ còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Q kiện bị đơn chị Lê Thị C về việc kiện đòi số tiền vay theo Giấy nhận nợ ngày 01/4/2025 do đó đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường L, thành phố T, tỉnh T (Nay là phường H, tỉnh T) nên việc Tòa án nhân dân thành phố T (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 T) thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, các bên đương sự đều thống nhất với nội dung: Do có mối quan hệ quen biết nên chị Q đã nhiều lần chuyển tiền cho chị C vay. Ngày 01/4/2023, sau khi chị Q và chị C đối chiếu và thống nhất lại về số nợ thì chị C đã viết Giấy nhận tiền từ chị Q với số tiền nợ còn thiếu là 400.000.000 đồng và hẹn ngày 30/9/2023 sẽ thanh toán toàn bộ số nợ này. Khi viết Giấy nhận nợ, chị Q có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Việc viết Giấy

nhận nợ là tự nguyện và dựa trên cơ sở thực tế chốt lại quá trình giao tiền – trả tiền giữa hai bên trước đó. Nội dung, hình thức của Giấy nhận tiền không vi phạm điều cấm của pháp luật và trái đạo đức xã hội do đó chị C có nghĩa vụ phải trả tiền nợ cho chị Q theo đúng thỏa thuận. Thời hạn trả tiền là đến ngày 30/9/2023, đến nay thời hạn vay đã hết nhưng chị C vẫn chưa thanh toán hết nợ cho chị Q, mà mới chỉ thanh toán được 6.000.000 đồng, còn nợ lại 394.000.000 đồng. Như vậy chị C đã vi phạm cam kết trong Giấy nhận tiền. Chị C đề nghị được trả nợ dần nhưng chị Q không đồng ý.

Xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ 394.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự để buộc chị C phải có trách nhiệm trả cho chị Q số tiền nợ 394.000.000 đồng. Chị Q không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Lê Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Q về việc:

Buộc chị Lê Thị C phải trả cho chị Vũ Thị Q số tiền nợ còn lại là 394.000.000 đồng (Ba trăm chín tư triệu đồng) theo Giấy nhận nợ ngày 01/4/2023.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì phải chịu thêm khoản lãi tương ứng đối với số tiền gốc chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu 19.700.000 đồng (Mười chín triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Vũ Thị Q toàn bộ số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng chẵn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006801 ngày 10/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh T.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND Khu vực 1 T;
- Thi hành án dân sự tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Linh